

**Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST**  
**Ngày 07 tháng 12 năm 2021**  
*"V/v Hôn nhân và gia đình"*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Vũ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hà Ngọc Lĩnh và bà Đỗ Thu Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vi Thị Năm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2021/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu Th; sinh năm 1974

Nơi cư trú: Khu 10, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh Phí Mạnh M; sinh năm 1966

Nơi cư trú: Khu 2, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

*(Chị Th và anh M đều có mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Th trình bày như sau: Chị và anh Phí Mạnh M tự nguyện về chung sống với nhau ngày 16/6/1990, có được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức lễ cưới thì vợ chồng về sống chung với bố mẹ đẻ anh M. Vợ chồng chung sống cho đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, không hiểu nhau và anh M thường xuyên đánh chửi chị. Do mâu thuẫn vợ chồng nghiêm trọng nên từ năm 2019, chị và anh M đã sống ly thân không còn quan tâm trách nhiệm gì đến nhau nữa, cũng không thể quay về tiếp tục sống chung được, tình cảm không còn vì vậy chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh Phí Mạnh M là vợ chồng.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu Th trình bày trong thời gian chung sống, chị và anh Phí Mạnh M có với nhau 03 con chung là Phí Thị Yên H, sinh năm 1991; Phí Thị Thùy L, sinh 1994 và Phí Thị Thanh N, sinh năm 1999. Hiện nay cả ba con chung đều đã trưởng thành, có gia đình riêng nên chị không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu Th xác nhận trong thời gian chung sống, chị và anh Phí Mạnh M có số tài sản chung thống nhất không yêu cầu thẩm định định giá và đã tự thỏa thuận được với nhau về phân chia tài sản chung và đề nghị Tòa án ghi nhận cụ thể như sau:

+ Chị Nguyễn Thị Thu Th được quyền sử dụng tài sản là 01 thửa đất số 253, tờ bản đồ số 52, diện tích 108,0 m<sup>2</sup> đất ở tại khu 4, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ đã được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số vào sổ CH002752 ngày 13/4/2018 đứng tên Phí Mạnh M và Nguyễn Thị Thu Th, trên đất không có tài sản gì (đất và GCNQSDĐ hiện nay chị Th quản lý sử dụng).

+ Anh Phí Mạnh M được quyền sở hữu, sử dụng tài sản gồm: Quyền sử dụng diện tích đất 1160,0 m<sup>2</sup> (gồm 200,0 m<sup>2</sup> đất sử dụng lâu dài, còn lại là đất lúa) đã được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số vào sổ H001195 ngày 14/11/1998 đứng tên hộ ông Phí Mạnh M ở tại khu 2, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ (gồm các thửa: Thửa số 1<sup>c</sup>, tờ bản đồ số 39, diện tích 200,0 m<sup>2</sup> đất sử dụng lâu dài; thửa số 99<sup>-1</sup>, tờ bản đồ số 38, diện tích 740,0 m<sup>2</sup> đất lúa và thửa số 159, tờ bản đồ số 40, diện tích 220,0 m<sup>2</sup> đất lúa) và toàn bộ các tài sản gắn liền trên đất gồm có: 02 nhà xây 02 tầng (01 nhà để ở và 01 nhà để kinh doanh nhà nghỉ), công trình phụ xây trên đất và các tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong nhà (toàn bộ tài sản này hiện nay anh M đang quản lý và sử dụng).

+ Anh Phí Mạnh M sẽ có nghĩa vụ thanh toán cho chị số tiền 200.000.000.đ và số tiền này anh M đã thanh toán đủ cho chị vào ngày 24/11/2021.

- Về vay nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác chị và anh M không có nên không yêu cầu giải quyết.

\* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị đơn là anh Phí Mạnh M trình bày: Anh M xác nhận việc anh và chị Nguyễn Thị Thu Th chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không đề nghị cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm cách sống nên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung nhiều năm trở lại đây không còn hòa thuận và không có hạnh phúc nên từ năm 2019, anh và chị Th đã sống ly thân không còn quan tâm trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay anh xác định không thể tiếp tục chung sống cùng chị Th vì vậy yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị Nguyễn Thị Thu Th là vợ chồng.

- Về con chung: Anh Phí Mạnh M xác nhận trong thời gian chung sống, anh và chị Nguyễn Thị Thu Th có với nhau 03 con chung đúng như chị Th đã trình bày ở trên, cả 03 con chung đều đã trưởng thành có gia đình riêng vì vậy anh không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Phí Mạnh M xác nhận anh và chị Nguyễn Thị Thu Th có các tài sản chung và cả hai đã tự thỏa thuận phân chia đúng như chị Th đã trình bày ở trên, anh không có thay đổi bổ sung gì và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận về tài sản chung giữa anh và chị Nguyễn Thị Thu Th.

- Về vay nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác không có nên anh Phí Mạnh M không yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả xác minh của Tòa án thì chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Phí Mạnh M chung sống với nhau từ năm 1990 đến nay, việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện và có đủ các điều kiện kết hôn nhưng lại chưa từng được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, đây hoàn toàn thuộc về trách nhiệm của đương sự do không làm thủ tục đề nghị đăng ký kết hôn theo quy định. Việc chị Th, anh M chung sống đã nhiều năm mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình chung sống, chị Th, anh M phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và đã không còn sống chung từ năm 2019, nay cả hai đều yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng. Xét yêu cầu của chị Th, anh M là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 nên được chấp nhận.

[2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Phí Mạnh M đều xác nhận có 03 con chung, các con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng, không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết và trước khi Tòa án tiến hành hòa giải vụ án, chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Phí Mạnh M đều đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận đó. Tại phiên tòa, chị Th và anh M vẫn không thay đổi sự thỏa thuận về phân chia tài sản chung và tiếp tục đề nghị Tòa án ghi nhận. Xét sự thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo được quyền lợi hợp pháp cho cả hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật vì vậy được Hội đồng xét xử ghi nhận tại phần quyết định của bản án.

[4]. Về vay nợ chung, công sức đóng góp và các các vấn đề khác chị Th và anh M đều xác nhận không có nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu Th phải nộp án tiền phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và xác định

trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của đương sự, không công nhận chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Phí Mạnh M là vợ chồng và công nhận sự thỏa thuận về tài sản chung của các đương sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp về việc “*Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình*”; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Phí Mạnh M.

- Về con chung đã thành niên, không yêu cầu nên không giải quyết.

- Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Phí Mạnh M về việc sở hữu, sử dụng tài sản chung như sau:

+ Chị Nguyễn Thị Thu Th được quyền sử dụng tài sản là 01 thửa đất số 253, tờ bản đồ số 52, diện tích 108,0 m<sup>2</sup> đất ở tại khu 4, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ đã được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số vào sổ CH002752 ngày 13/4/2018 đứng tên ông Phí Mạnh M và bà Nguyễn Thị Thu Th, trên đất không có tài sản gì (*đất và GCNQSDĐ hiện nay chị Thủy đang quản lý sử dụng*).

+ Anh Phí Mạnh M được quyền sở hữu, sử dụng tài sản gồm: Quyền sử dụng diện tích đất 1.160,0 m<sup>2</sup> (gồm 200,0 m<sup>2</sup> đất sử dụng lâu dài, còn lại là đất lúa) đã được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số vào sổ H001195 ngày 14/11/1998 đứng tên hộ ông Phí Mạnh M ở tại khu 2, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ (gồm các thửa: Thửa số 1<sup>c</sup>, tờ bản đồ số 39, diện tích 200,0m<sup>2</sup> đất sử dụng lâu dài; thửa số 99<sup>-1</sup>, tờ bản đồ số 38, diện tích 740,0 m<sup>2</sup> đất lúa; thửa số 159, tờ bản đồ số 40, diện tích 220,0 m<sup>2</sup> đất lúa) và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất gồm có: 02 nhà xây 02 tầng (01 nhà để ở và 01 nhà để kinh doanh nhà nghỉ), công trình phụ xây trên đất và các tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong nhà (*toàn bộ tài sản này hiện nay anh M đang quản lý và sử dụng*).

+ Anh Phí Mạnh M có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Thị Thu Th số tiền 200.000.000.đ (hai trăm triệu đồng) và số tiền này anh M đã thanh toán đủ cho chị Nguyễn Thị Thu Th vào ngày 24/11/2021.

- Về vay nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác không có nên không giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu Th phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị Thu Th đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại án phí tại “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số AA/2020/0003221 ngày 12/10/20210 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

*Trở đồng hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhân:**

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã N, h. T;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Quang Vũ**